

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH BẮC GIANG



**TÀI LIỆU**  
**TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC HỘI LHPN**

---

*Tháng 3 năm 2024*



## DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Tuyên truyền vận động phụ nữ tham gia xây dựng và phát triển mô hình kinh tế tập thể.
2. Hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo bền vững.
3. Hướng dẫn số 19/HD-ĐCT ngày 11/4/2023 của Hội LHPN Việt Nam về hướng dẫn thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam.
4. Hướng dẫn số 5/HD-BTV ngày 15/10/2022 của Hội HLHPN tỉnh Bắc Giang về đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức Hội LHPN cấp huyện, cơ sở và Chi hội phụ nữ.



**Chuyên đề**  
**TUYÊN TRUYỀN VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ THAM GIA XÂY DỰNG VÀ**  
**PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH KINH TẾ TẬP THỂ**

**I. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH KINH TẾ TẬP THỂ**

**1. Khái niệm:** Kinh tế tập thể (KTTT) là hình thức hợp tác của các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh tập thể của từng thành viên tham gia, cùng nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động SX, KD và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**2. Các loại hình kinh tế tập thể**

**2.1. Tổ hợp tác** là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác do ít nhất 02 thành viên tự nguyện thành lập, cùng góp vốn, góp sức lao động để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

**2.2. Hợp tác xã** là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

**2.3. Liên hiệp hợp tác xã** là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 03 hợp tác xã là thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực tham gia thị trường, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

**3. Vai trò, vị trí của kinh tế tập thể**

KTTT là thành phần kinh tế quan trọng, cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; Bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện cho thành viên là nông dân, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức sản xuất kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững; Tạo việc làm, thu nhập và đóng góp vào các hoạt động phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ môi trường trên địa bàn;

KTTT có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cải thiện và nâng cao đời sống mọi mặt cho người lao động, góp phần làm giảm sự phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng trong xã hội, bởi kinh tế tập thể tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc các thành viên cùng góp vốn, góp tài sản, góp sức trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi.

Phát triển KTTT là một trong những phương thức để khắc phục mặt trái của kinh tế thị trường, là nền tảng quan trọng để đạt mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; Góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội,

thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, KTTT còn có ý nghĩa rất quan trọng bởi chính sự liên kết, hợp tác thông qua các mô hình hợp tác xã, liên minh hợp tác xã đã dẫn đến sự ra đời của các khu sản xuất tập trung, các vùng nguyên liệu, cánh đồng mẫu lớn và các chuỗi liên kết sản xuất... tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng thành tựu khoa học-công nghệ hiện đại vào sản xuất, kinh doanh, chế biến sản phẩm, từ đó nâng cao số lượng, chất lượng hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước; đồng thời giúp khắc phục những khó khăn, hạn chế, thiếu sót mà mô hình kinh tế hộ nhỏ, lẻ gặp phải, qua đó góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn.

#### **4. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát triển KTTT**

- Củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tập thể là xu thế tất yếu trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xuất phát từ nhu cầu thiết thực, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện cho thành viên sản xuất kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững. Phát triển kinh tế tập thể phải tôn trọng bản chất, giá trị, nguyên tắc hoạt động của kinh tế tập thể, phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng, miền và cả nước.

- Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các liên hiệp hợp tác xã, không giới hạn về quy mô, lĩnh vực và địa bàn. Kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế là trọng tâm, bao gồm lợi ích của thành viên, tập thể và Nhà nước, đồng thời coi trọng lợi ích chính trị, văn hoá, xã hội trên địa bàn.

- Kinh tế tập thể phát triển dựa trên sở hữu riêng của thành viên và sở hữu chung của tập thể; tổ chức hoạt động theo nguyên tắc đối nhân, không phụ thuộc vào vốn góp; phân phối theo mức độ tham gia dịch vụ, theo hiệu quả lao động và theo vốn góp trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Khuyến khích việc tích lũy và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản chung trong tổ chức kinh tế tập thể.

- Phát triển kinh tế tập thể cả về số lượng và chất lượng, trong đó chú trọng chất lượng, bảo đảm sự hài hoà trong tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn; có chính sách ưu tiên cho các tổ chức kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với chuỗi giá trị sản phẩm, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức. Đánh giá hiệu quả kinh tế tập thể toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, hiệu quả của tổ chức và của thành viên.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp trực tiếp lãnh đạo,

chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh hợp tác xã và các tổ chức đại diện phối hợp chặt chẽ trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia phát triển kinh tế tập thể.

## **II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ THAM GIA PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH KINH TẾ TẬP THỂ**

1. Tổ chức tuyên truyền phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể; vai trò, vị trí, tầm quan trọng của phụ nữ trong xây dựng phát triển kinh tế tập thể.

2. Vận động hỗ trợ phụ nữ tham gia xây dựng và phát triển kinh tế tập thể gắn với triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”, Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”, các chương trình, nhiệm vụ trọng tâm của Hội...

3. Phối hợp tổ chức các hoạt động hỗ trợ thành lập, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các mô hình KTTT do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ.

4. Vận động, kết nối đồng bộ các nguồn lực từ chương trình/ đề án/ dự án liên quan đến đào tạo nghề, tạo việc làm, ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ tín dụng để thành lập và hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác phát triển bền vững.

5. Tích cực tham gia giám sát phản biện xã hội; sơ tổng kết, đánh giá, biểu dương, nhân rộng mô hình tiêu biểu, các điển hình phụ nữ mạnh dạn tích cực tham gia phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác.

## **III. HƯỚNG DẪN THÀNH LẬP, Củng cố CÁC MÔ HÌNH KINH TẾ TẬP THỂ**

### **1. Các bước thành lập HTX**

Bước 1. Xác định nhu cầu hợp tác và tìm sáng lập viên

Bước 2. Thành lập Ban sáng lập viên, phân công nhiệm vụ cho thành viên

Bước 3. Tuyên truyền vận động thành lập HTX, tổng hợp danh sách người tham gia HTX

Bước 4. Chuẩn bị hồ sơ, văn bản: Điều lệ HTX; phương hướng hoạt động, Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các điều kiện khác

Bước 5. Lấy ý kiến của các thành viên vào dự thảo Điều lệ, Phương hướng, kế hoạch

Bước 6. Tổ chức hội nghị thành lập HTX

Bước 7. Đăng ký thành lập HTX

### **1. Các bước thành lập THT**

Bước 1. Xác định mục đích thành lập tổ

Bước 2. Thành lập Ban vận động và sáng lập viên

Bước 3. Tuyên truyền vận động thành lập tổ

Bước 4. Chuẩn bị hồ sơ, văn bản đề thành lập tổ

Bước 5. Tổ chức hội nghị thành lập

Bước 6. Tiến hành thủ tục chứng thực hợp đồng/ đăng ký kinh doanh

### **3. Hướng dẫn củng cố nâng cao chất lượng các mô hình kinh tế tập thể** **Bước 1. Khảo sát đánh giá thực trạng hoạt động các mô hình**

- Phối hợp khảo sát/rà soát nắm danh sách các mô hình HTX/THT có PN tham gia quản lý, tạo nhiều việc làm cho lao động nữ

- Khảo sát/rà soát đánh giá thực trạng hoạt động các mô hình trên địa bàn

- Xác định nhu cầu và nội dung hỗ trợ/thúc đẩy

### **Bước 2. Xây dựng kế hoạch củng cố, nâng cao hoạt động mô hình**

- Sàng lọc lựa chọn nội dung triển khai

- Tìm kiếm đơn vị đồng hành hỗ trợ

- Đề xuất các hoạt động chi tiết

- Nguồn lực để triển khai các hoạt động

### **Bước 3. Phối hợp triển khai các hoạt động**

- Hướng dẫn hoàn thiện củng cố hồ sơ pháp lý: Điều lệ, quy chế hoạt động; hợp đồng hợp tác; đăng ký kinh doanh ....

- Hướng dẫn xây dựng phương án sản xuất kinh doanh HTX/THT

- Hỗ trợ tiếp cận nguồn lực về vốn, khoa học công nghệ, thị trường, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại ...

### **Bước 4. Đánh giá, tổng kết**

## **IV. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH KT TẬP THỂ**

### **1. Chính sách hỗ trợ chung gồm:**

- Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã  
- Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể  
- Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu, tuyên truyền, hỗ trợ về kinh tế tập thể  
- Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường;  
- Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm  
- Ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới;  
- Tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX;  
- Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội;

### **2. Chính sách ưu đãi thuế và lệ phí gồm:**

- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế;

- Ưu đãi lệ phí đăng ký HTX theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

**3. Chính sách đối với HTX hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gồm:**

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng;



- Giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của HTX theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Ưu đãi về tín dụng: (NĐ 55/2015/NĐ-CP; NĐ 116/2018/NĐ-CP)

- Vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh;

- Chế biến sản phẩm

**4. Một số chính sách hỗ trợ phát triển mô hình kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh**

**4.1. chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 – 2025 (Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)**

**(1) Thành lập mới, củng cố tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã**

*\* Đối tượng hỗ trợ:*

- Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập từ việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách.

- Tổ hợp tác được thành lập theo quy định

- Người dân có nhu cầu thành lập tổ chức kinh tế tập thể.

*\* Nội dung hỗ trợ:*

- Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã cho phù hợp với các quy định hiện hành.

*\* Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:* ngân sách địa phương bảo đảm 100%.

**(2). Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể**

*\* Đối tượng hỗ trợ*

- Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể.

- Công chức làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể tại các Sở, ngành và địa phương (bao gồm: công chức chuyên trách và công chức kiêm nhiệm).

- Công chức, viên chức của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

- Giảng viên về kinh tế tập thể trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

*\* Điều kiện hỗ trợ*

- Được tổ chức kinh tế tập thể, đơn vị chủ quản cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của đơn vị; đủ điều kiện tuyển sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có năng lực và trình độ phù hợp với khóa học.

- Đối với trường hợp cử đi đào tạo dài hạn: ngoài việc đáp ứng các điều kiện trên, đối tượng được hỗ trợ phải dưới 50 tuổi và cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực kinh tế tập thể ít nhất gấp đôi thời gian tham gia khóa đào tạo,

chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với Nhà nước trong trường hợp không thực hiện cam kết.

\* Nội dung hỗ trợ:

- Đào tạo:

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo; kinh phí mua giáo trình của khóa học; chi phí ăn, ở.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: cấp học bổng đào tạo, nghiên cứu dài hạn trong nước và nước ngoài về hợp tác xã và các chuyên ngành hỗ trợ trực tiếp cho công tác quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể. Học bổng bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định.

- Bồi dưỡng:

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: Chi phí đi lại từ trụ sở đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay); kinh phí mua tài liệu của chương trình khóa học; các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát; chi phí ăn, ở theo định mức được áp dụng tương tự như đối với công chức Nhà nước.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các Hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội: cấp học bổng bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài (bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định của chế độ tài chính hiện hành) và tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước.

- Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: hỗ trợ lương cho người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể.

\* Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

- Đào tạo:

+ Đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: ngân sách địa phương bảo đảm 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo.

+ Đối với công chức, viên chức các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các Hiệp hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên: ngân sách địa phương bảo đảm 100% kinh phí theo nội dung được hỗ trợ.

- Bồi dưỡng:

+ Đối với thành viên, người lao động tổ chức kinh tế tập thể: ngân sách bảo đảm 100% kinh phí đi lại, tổ chức lớp học và mua tài liệu học tập; hỗ trợ 100% chi phí ăn ở đối với các tổ chức kinh tế tập thể nằm trong vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành (bao gồm: các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã

hội, các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); đối với các vùng khác: hỗ trợ 90% đối với các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, 80% đối với các tổ chức kinh tế tập thể khác.

+ Đối với công chức, viên chức của các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh Hợp tác xã, các Hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, giảng viên: ngân sách địa phương bảo đảm 100% kinh phí.

- Đối với lao động trở về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: ngân sách địa phương hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 03 năm/người, tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm.

### **(3) Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường**

\* *Đối tượng hỗ trợ*: các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

\* *Điều kiện hỗ trợ*: tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã có sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, thực hành sản xuất xanh, OCOP.

\* *Nội dung hỗ trợ*:

- Kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong và ngoài nước; chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.

- Xây dựng một số điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm; hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, đầu tư trang thiết bị để vận hành và duy trì điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể.

- Xây dựng các website thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể.

d) Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; tổ chức diễn đàn kinh tế tập thể; hỗ trợ hợp tác xã trong việc đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng website thương mại điện tử cho các tổ chức kinh tế tập thể; kinh phí thuê địa điểm, đầu tư trang thiết bị để vận hành và duy trì điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho các tổ chức kinh tế tập thể.

### **(4) Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm**

\* *Đối tượng hỗ trợ*: Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

\* *Cơ chế đầu tư*:

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Hợp tác xã căn cứ nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm có đơn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi hợp tác xã tổ chức sản xuất, kinh doanh xem xét gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung.

+ Căn cứ vào số lượng thành viên cụ thể, ưu tiên các hợp tác xã có số lượng thành viên lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; hợp tác xã hoạt động trên các địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên.

+ Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, ngư nghiệp (gồm: cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp).

+ Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản bao gồm: hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè.

- Nguồn vốn và mức hỗ trợ:

+ Nguồn vốn: Ngân sách địa phương, Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, vốn hợp tác xã và vốn hợp pháp khác.

+ Mức hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100%; căn cứ mức vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ được phân bổ, vốn đề xuất đối ứng của hợp tác xã, vốn từ các nguồn hợp pháp khác và tính chất của dự án/phương án, UBND cấp huyện xem xét, quyết định mức hỗ trợ cho dự án/phương án từ nguồn ngân sách địa phương.

- Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho hợp tác xã thông qua việc xây dựng, mua sắm, bàn giao cho hợp tác xã theo quy định; trường hợp hợp tác xã có đủ năng lực, cấp có thẩm quyền xem xét giao cho hợp tác xã tự thực hiện dự án, mua sắm theo quy định nhưng không quá 02 tỷ đồng.

\* Cơ chế quản lý sau đầu tư:

Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của hợp tác xã. Hợp tác xã tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi hợp tác xã đã tiến hành đăng ký thành lập quản lý.

**(5) Triển khai đề án “Hỗ trợ phát triển mô hình HTX ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD và mô hình HTX nông nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025”.**

\* Mục tiêu tổng quát: Hỗ trợ, phát triển các mô hình HTX theo hướng số hóa công tác quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; nâng cao thu nhập thành viên, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện mô hình làm cơ sở quan trọng để các HTX khác học tập, nhân rộng, tiến tới thực hiện số hóa hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX; góp phần làm cơ sở để tham mưu với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, ban hành những chủ trương chính sách hỗ trợ, khuyến khích, thúc đẩy, phát triển lĩnh vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

*\* Mục tiêu cụ thể:*

- Xây dựng 01 phần mềm (App) phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX được cài đặt trên thiết bị thông minh (điện thoại, máy tính bảng, máy vi tính...).

- Hỗ trợ, phát triển thành công 05 mô hình HTX ứng dụng công nghệ 4.0 phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; đến năm 2025 hiệu quả công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX tăng lên 02 lần so với trước khi ứng dụng phần mềm.

- Hỗ trợ, phát triển thành công 05 mô hình khởi nghiệp HTX nông nghiệp ứng dụng CNC trên địa bàn tỉnh; đến năm 2025 giá trị sản xuất các sản phẩm nông nghiệp do ứng dụng công nghệ cao tăng lên 02 lần so với phương thức sản xuất thông thường.

**4.2. Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 – 2030 theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020; Nghị quyết 27/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang.**

**a. Đối tượng áp dụng**

- Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác  
- Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Doanh nghiệp

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị định này.

**b. Nguyên tắc hỗ trợ**

- Đối với mỗi loại hình liên kết, các bên tham gia liên kết ở nội dung nào thì được hưởng chính sách hỗ trợ ở nội dung đó. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các nội dung liên kết theo hợp đồng, dự án liên kết để quyết định hỗ trợ theo quy định.

- Mỗi bên tham gia liên kết được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ mà bên đó thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng, dự án liên kết.

- Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

- Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, các địa phương chủ động cân đối bổ sung ngân sách địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án

để thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy định.

- Nhà nước khuyến khích các nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác để thúc đẩy liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

### **c. Điều kiện hỗ trợ**

Các bên tham gia liên kết được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Liên kết đảm bảo ổn định:

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

- Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. **Đồng thời đảm bảo điều kiện tối thiểu về quy mô của chuỗi liên kết (dự án hoặc kế hoạch liên kết) đối với từng ngành hàng, sản phẩm:**

\* Đối với ngành hàng, sản phẩm cây ăn quả.

-Vải: Quy mô tối thiểu 70 ha/vụ/chuỗi.

-Nhãn: Quy mô tối thiểu 20 ha/vụ/chuỗi.

-Cam, bưởi, na, ôi: Quy mô tối thiểu 15 ha/từng loại cây trồng/vụ/chuỗi.

\* Đối với ngành hàng, sản phẩm chăn nuôi.

-Lợn: Quy mô tối thiểu 1.000 con/chu kỳ/chuỗi.

-Gia cầm thịt: Quy mô tối thiểu 20.000 con/chu kỳ/chuỗi.

- Gia cầm sinh sản: Quy mô tối thiểu 10.000 con/chu kỳ/chuỗi

-Ong mật: Quy mô tối thiểu 500 thùng/chuỗi.

-Dê: Quy mô tối thiểu 300 con/chuỗi.

\* Đối với ngành hàng, sản phẩm rau chế biến, rau an toàn và nấm.

-Rau chế biến: Quy mô tối thiểu 10 ha/vụ/chuỗi. Riêng đối với khoai tây là 20ha/vụ/chuỗi

-Rau an toàn: Quy mô tối thiểu 10 ha/vụ/chuỗi.

-Nấm: Quy mô nhà xưởng, nhà nuôi trồng tối thiểu 3.000 m<sup>2</sup> trở lên; nguyên liệu từ 300 tấn/năm/chuỗi.

\* Đối với ngành hàng, sản phẩm cây lương thực (lúa, gạo): Quy mô tối thiểu 50 ha/vụ/chuỗi.

\* Đối với ngành hàng, sản phẩm thủy sản và các sản phẩm chế biến từ thủy sản (Cá thịt): Quy mô tối thiểu 05 ha/chuỗi.

\* Đối với ngành hàng, sản phẩm cây công nghiệp:

-Cây lạc: Quy mô tối thiểu 10 ha/chuỗi;

-Cây chè: Quy mô tối thiểu 10 ha/chuỗi.

\* Đối với ngành hàng, sản phẩm cây hoa các loại: Quy mô tối thiểu 03 ha/vụ/chuỗi.

\* Đối với ngành sản xuất, chế biến lâm sản: Quy mô công suất thiết kế tối thiểu từ 100.000 m<sup>3</sup> sản phẩm/năm/chuỗi.

\* Đối với ngành hàng, sản phẩm cây dược liệu (Ba kích, cúc hoa vàng, địa liên, diệp hạ châu, đinh lăng, hoài sơn, kim tiền thảo, sâm, nghệ): Quy mô tối thiểu 02 ha/loại dược liệu/chuỗi.

#### **Nội dung hỗ trợ gồm:**

##### **(1) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết**

Chủ trì liên kết được ngân sách Nhà nước hỗ trợ **100%** chi phí tư vấn xây dựng liên kết, nhưng không quá **200** triệu đồng, bao gồm: tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

##### **(2) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết**

Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ **30%** vốn đầu tư máy móc, trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá **5.000** triệu đồng/dự án liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**(3) Hỗ trợ giống, vật tư tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã hoặc chủ trì liên kết**

Hỗ trợ **50%** chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (*phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, chế phẩm sinh học*) nhưng không quá **1.500** triệu đồng/dự án hoặc kế hoạch liên kết.

**(4) Hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã hoặc của chủ trì liên kết**

- Hỗ trợ **50%** chi phí thiết kế và sản xuất bao bì, nhãn mác sản phẩm, nhưng không quá 200 triệu đồng/sản phẩm (đối với hỗ trợ lần đầu); Hỗ trợ **25%** chi phí nâng cấp mẫu mã bao bì, nhãn mác và sản xuất bao bì, nhãn mác sản phẩm, nhưng không quá 100 triệu đồng/sản phẩm (đối với hỗ trợ lần 2).

- Hỗ trợ **50%** chi phí xây dựng nhãn hiệu, nhưng không quá **20** triệu đồng/nhãn hiệu.

- Hỗ trợ **50%** chi phí tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhưng không quá **20** triệu đồng/sản phẩm.

##### **(5) Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới**

Hỗ trợ **40%** chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Tổng mức hỗ trợ không quá **500** triệu đồng/dự án hoặc kế hoạch liên kết.

**Phương thức hỗ trợ:** Ngân sách nhà nước hỗ trợ giống, vật tư theo từng vụ/chu kỳ sản xuất, nuôi trồng sau khi có văn bản nghiệm thu kết quả thực hiện của các cơ quan thanh toán vốn; các nội dung hỗ trợ còn lại hỗ trợ 1 lần sau khi có văn bản nghiệm thu hoàn thành của cơ quan thanh toán vốn.

**4.3. Chính sách hỗ trợ đào tạo đối với thành viên người lao động của tổ chức kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ và làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025 (theo NQ 14/2023/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh).** Chính sách này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2023 thì hết ngày 31 tháng 12 năm 2025

**\* Đối tượng áp dụng**

Thành viên người lao động đang làm công tác quản lý chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ tại các tổ chức kinh tế tập thể

Người lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng đại học sau đại học và làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể thời điểm về làm việc người lao động phải dưới 40 tuổi

Tổ chức kinh tế tập thể được hỗ trợ gồm hợp tác xã Liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức có liên quan đến thực hiện chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo quyết định số 1804/qđttg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

**\* Mức hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ**

- **Hỗ trợ đào tạo đối với thành viên người lao động của tổ chức kinh tế tập thể:** Hỗ trợ kinh phí Anh ở cho mỗi học viên bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng trên một khóa đào mức lương tối thiểu vùng căn cứ theo khu vực nơi cơ sở đào tạo tổ chức thực hiện đào tạo. Trường hợp của Đào tạo có thời gian dưới một tháng (26 ngày) thì thực hiện hỗ trợ theo số ngày thực tế tham gia khóa đào tạo: (Lương tối thiểu vùng nhân 1,5)/26 × số ngày thực tế tham gia khóa đào tạo

- **Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể:** Hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (mức lương tối thiểu vùng căn cứ theo khu vực tổ chức kinh tế tập thể đặt trụ sở chính); tối đa 3 năm/ người; tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm.



## **IV. CÁC VĂN BẢN, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN**

### **1. Các văn bản của Đảng, Chính phủ**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

- Luật Hợp tác xã năm 2023; Luật Bảo vệ môi trường 2014; Luật doanh nghiệp nhỏ và vừa 2018 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Luật giáo dục nghề nghiệp số 43/2019/QH14;

- Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2030;

- Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”;

- Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

15. Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định 116/2018/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

### **2. Các văn bản của Hội LHPN Việt Nam**

- Kế hoạch số 04-KH/ĐĐ ngày 04/10/2022 của Đảng Đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Nghị quyết số thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp

tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

- Kế hoạch số 03-KH/ĐĐ ngày 04/10/2022 của Đảng Đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 19 - NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kế hoạch số 235/KH-ĐCT ngày 21/3/2023 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”;

- Quyết định số 1663/QĐ-ĐCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Đoàn chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về việc thành lập Ban Điều hành và Tổ giúp việc Ban Điều hành Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030” cấp trung ương;

- Quyết định số 2231/QĐ-ĐCT ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Đoàn chủ tịch Hội LHPN Việt Nam ban hành quy chế làm việc của Ban điều hành và Tổ giúp việc Ban điều hành Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030” cấp Trung ương;

- Hướng dẫn số 02/HD-ĐCT ngày 06/7/2012 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì giai đoạn 2021 – 2025.

### **3. Các văn bản của tỉnh**

- Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 10/10/2022 của Tỉnh ủy Bắc Giang về thực hiện NQ số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của BCH TW Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- Kế hoạch 641/KH-UBND ngày 28/12/2022 về thực hiện Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 10/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- Kế hoạch 28/KH-UBND ngày 09/6/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án "Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

- Kế hoạch 86/KH-BTV ngày 20/7/2023 của BTV Hội LHPN tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”

- Quyết định 1802/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025

- Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập

thê và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025

- Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2030

- Nghị quyết 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025

- Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025

- Nghị quyết 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 – 2025. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

1. The first part of the document is a list of names.

...

1

# CHUYÊN ĐỀ: HỖ TRỢ PHỤ NỮ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

## Phần 1

### KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO

#### I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

##### 1. Phạm vi của Chương trình

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện trên phạm vi cả nước, trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

##### 2. Đối tượng của Chương trình

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi cả nước. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; các tỉnh có huyện nghèo.

c) Các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

d) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn các tỉnh có huyện nghèo.

đ) Các tổ chức, cá nhân liên quan.

##### 3. Thời gian thực hiện Chương trình: đến hết năm 2025

#### II. MỤC TIÊU

**1. Mục tiêu tổng quát:** Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1,0 - 1,5%/năm;
- Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3,0%/năm;
- 30% huyện nghèo, 30% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn;
- Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4 - 5%/năm.

##### 3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

###### a) Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Phần đầu giảm 1/2 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia;

- 100% các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi;

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 1.000 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;

- Phần đầu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập;

- Phần đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững;

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

#### ***b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản***

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 cùng với hệ thống chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như sau:

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm;

+ Tối thiểu 100.000 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công;

+ Tối thiểu 9.500 người lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đào tạo; trong đó, có khoảng 5.700 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ít nhất 80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài sẽ thoát nghèo). Hỗ trợ khoảng 1.200 người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16

tuổi tại các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo xuống dưới 34%.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%;  
+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Tối thiểu 100.000 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

### **III. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

1. Dự án Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

2. Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

4. Dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

5. Dự án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

6. Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

7. Dự án Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 tối thiểu là 75.000 tỷ đồng, trong đó:

a) Vốn ngân sách trung ương: 48.000 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 20.000 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 28.000 tỷ đồng);

b) Vốn ngân sách địa phương: 12.690 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 1.700 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 10.990 tỷ đồng);

c) Huy động hợp pháp khác: 14.310 tỷ đồng.

2. Chính phủ có giải pháp huy động các nguồn lực hợp pháp khác để cùng với nguồn lực ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình bảo đảm hiệu quả.

## Phần 2

# NHIỆM VỤ CỦA CÁC CẤP HỘI TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO VÀ HỖ TRỢ PHỤ NỮ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

### 1. Nội dung nhiệm vụ

- Tuyên truyền vận động phụ nữ phát huy nội lực, hỗ trợ, giúp nhau giảm nghèo bền vững; tiếp tục thực hiện các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện của phụ nữ và ưu tiên phát triển của địa phương, tập trung hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, gắn với thực hiện Tiêu chí “Không đói nghèo” trong cuộc vận động ‘Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch’.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động tại cơ sở; phối hợp giám sát các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo tại địa phương.

### \*. Điểm mới

- Phát triển các dự án mô hình giảm nghèo liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và dự án có trên 50% lao động nữ thuộc Chương trình MTQG Dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng các hoạt động phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình; hoạt động giúp phụ nữ thoát nghèo đa chiều có địa chỉ, tập trung các vùng có tỉ lệ hộ nghèo cao thông qua triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ việc làm bền vững, hướng dẫn kỹ năng quản lý kinh tế hộ gia đình và tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội, tập trung cho các địa bàn dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, các xã đặc biệt khó khăn.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phụ nữ thoát nghèo đa chiều, chú trọng vận động, hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận các chương trình hỗ trợ về nhà ở, nước sạch, giáo dục, thông tin. Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng khôi phục/duy trì/phát triển nghề truyền thống phù hợp với lao động nữ nhằm tạo việc làm tại chỗ một cách bền vững.

### 2. Các giải pháp chủ yếu

- Tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ hội viên thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác giảm nghèo; các nghị quyết, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương; tuyên truyền, vận động hội viên phụ nữ thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại ở phía sau”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.



- Lòng ghép các hoạt động hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo với nội dung nhiệm vụ trọng tâm công tác Hội, các phong trào thi đua, các Cuộc vận động, đồng thời đưa vào chỉ tiêu thi đua năm 2023 triển khai đến 100% huyện, thành Hội và cơ sở.

- Rà soát, thống kê danh sách hộ gia đình hội viên phụ nữ nghèo, phụ nữ nghèo làm chủ hộ để có kế hoạch giúp đỡ; rà soát các hộ phụ nữ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn cần sửa chữa, xây mới nhà ở. Quan tâm triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phụ nữ thoát nghèo đa chiều, chú trọng vận động, hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận các chương trình hỗ trợ về nhà ở, nước sạch, giáo dục, thông tin. Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng khôi phục/duy trì/phát triển nghề truyền thống phù hợp với lao động nữ nhằm tạo việc làm tại chỗ một cách bền vững.

- Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, quan tâm phụ nữ nghèo, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn; quan tâm hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững gắn với triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, giai đoạn 2017-2025”; Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; Dự án “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” và cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch, 5 có 3 sạch.

- Phối hợp với các ngành liên quan, các ngân hàng huy động vốn hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, chuyển giao tiến bộ KHKT, dạy nghề, giới thiệu việc làm, xây dựng các mô hình phụ nữ tham gia phát triển kinh tế, góp phần xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Vận động hội viên phụ nữ thực hành tiết kiệm tạo nguồn vốn phát triển kinh tế và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như mua bảo hiểm y tế, xây dựng công trình NSVSMT, hỗ trợ xây nhà mái ấm tình thương...

- Chú trọng đề xuất, tạo cơ hội gắn kết hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ trong các chương trình, dự án sinh kế của địa phương, mô hình kinh tế hộ, kinh tế tập thể; kết nối doanh nghiệp/cơ sở sản xuất kinh doanh thu hút lao động từ hộ nghèo; chú trọng hỗ trợ xây dựng các mô hình giúp phụ nữ nghèo vùng dân tộc thiểu số thoát nghèo theo hướng phát triển sản phẩm bản địa (mỗi địa phương 1 sản phẩm), kết nối với du lịch, tiêu thụ sản phẩm.

### Phần 3

## HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GB 2021-2025

### I. DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

#### 1. Mục tiêu:

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

#### 2. Đối tượng:

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi cả nước; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác...

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

#### 3. Phương thức hỗ trợ:

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thực hiện theo dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù.

#### 4. Nguyên tắc hỗ trợ:

- Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng và thực hiện dự án.

- Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phù hợp với lợi thế so sánh, thế mạnh của từng vùng, miền; phù hợp với nhu cầu thị trường và bảo đảm tính hiệu quả bền vững.

- Phù hợp với điều kiện, đặc điểm, nhu cầu của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).

- Ưu tiên hỗ trợ tham gia dự án mô hình giảm nghèo đối với người lao động thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo và hộ cận nghèo có

thành viên là người có công với cách mạng; người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. - Ưu tiên hỗ trợ dự án mô hình giảm nghèo thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Bảo vệ môi trường.
- Thời gian thực hiện mỗi dự án tối đa 3 năm.

#### **5. Nội dung hỗ trợ:**

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.
- Chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.
- Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.
- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.
- Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

## **II. XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN MÔ HÌNH GIẢM NGHEO; HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

### **1. Điều kiện hỗ trợ:**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP), cụ thể:

(1) Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

(2) Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

(3) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định này và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

### **2. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án:**

#### **a) Bước 1: Khảo sát, xây dựng dự án**

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

#### **b) Bước 2: Thẩm định dự án**

Đơn vị chủ trì liên kết gửi hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến cơ quan chủ quản chương trình xem xét, thẩm định.

### ***c) Bước 3: Phê duyệt dự án***

Căn cứ ý kiến thẩm định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

***d) Trong thời gian 10 ngày làm việc***, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ quản chương trình quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan chủ quản chương trình phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

### **3. Tổ chức thực hiện dự án:**

a) Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện dự án:

Thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) và các đối tượng khác có liên quan được tham gia dự án.

b) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, kế hoạch liên kết theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

## **III. XÂY DỰNG, THỰC HIỆN DỰ ÁN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

### **1. Điều kiện hỗ trợ:**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, NĐ 38/2023, cụ thể:

(1) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định này và quy định của UBND cấp tỉnh.

(2) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

(3) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được UBND cấp xã xác nhận.

(4) Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

## **2. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án:**

### **a) Bước 1: Xây dựng dự án**

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo và lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án.

### **b) Bước 2: Thẩm định dự án**

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

### **c) Bước 3: Phê duyệt dự án**

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

**d) Trong thời gian 7 ngày làm việc**, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án; trường hợp dự án không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

## **3. Tổ chức thực hiện:**

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án.

b) Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

d) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện cộng đồng dân cư; hướng dẫn, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, phương án sản xuất theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

## **IV. KIỂM TRA, GIÁM SÁT HỖ TRỢ ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHEO**

Thực hiện theo Thông tư số 10/2022/TT- BLĐT BXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các quy định hiện hành.

## MỘT SỐ VĂN BẢN LIÊN QUAN

1. Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;
2. Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.
3. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025
4. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
5. Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi bổ sung Nghị định 27/2022/NĐ-CP Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
6. Thông tư số 46/TT-BTC ngày 28/7/2022 Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn Ngân sách TW thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
7. Thông tư 09/2022/TT-BLĐTBXH Ngày 25/5/2022 Hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025
8. Thông tư 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
9. Nghị quyết 48/2022/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang Quy định một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025
10. QĐ 1086/QĐ-UBND ngày 30/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt ĐA hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo/cận nghèo trên địa bàn Sơn Động thuộc CT mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025
11. KH 4186/KH-UBND ngày 27/8/2022 của UBND tỉnh kế hoạch truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025
12. Kế hoạch 455/KH-UBND ngày 05/8/2022 Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2025
13. Kế hoạch số 117/KH-ĐCT ngày 22/9/2021 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 và thực hiện Kết luận 06-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW;

**MẪU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN GIẢM NGHÈO HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT  
LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**  
Mẫu số 01- Ban hành kèm theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP

**TÊN ĐỐI TƯỢNG  
THAM GIA LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp**

**Kính gửi:**

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ: .....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phê duyệt hỗ trợ liên kết như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết: .....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Quy mô liên kết: .....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

**II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC**

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: .....

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: .....

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:

4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn: .....

5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm: .....

6. Hỗ trợ chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới: .....

7. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

**III. CAM KẾT:** ..... (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**IV. TÀI LIỆU KÈM THEO** (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):  
..... /.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;

- Lưu:

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**MẪU XÂY DỰNG DỰ ÁN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO THEO NHIỆM VỤ  
Mẫu 03 - Ban hành kèm theo Thông tư 09/TT-BLĐTBXH**

**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm .....

**TÊN DỰ ÁN .....**

1. Tên đơn vị đề xuất dự án (gồm: tên, địa chỉ, người đại diện, số CCCD hoặc CMND, số điện thoại liên lạc).
  2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo): .....
  3. Đối tượng tham gia: .....
  4. Thời gian triển khai: .....
  5. Địa bàn thực hiện: .....
  6. Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách): .....
  7. Nội dung: .....
  8. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: .....
  9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết: .....
  10. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có): .....
  11. Tổ chức thực hiện dự án: .....
  12. Các nội dung liên quan khác .....
- (Có kèm bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị đề xuất dự án).

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**  
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Số: 19/HD-ĐCT

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2023

## HƯỚNG DẪN

### Thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”;

Căn cứ Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 03/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức Đảng trực thuộc trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ;

Căn cứ Quy định số 124-QĐ/TW ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ đảng viên;

Căn cứ Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII;

Căn cứ Điều lệ Hội LHPN Việt Nam nhiệm kỳ 2022 – 2027,

Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) Việt Nam hướng dẫn thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Bám sát và cụ thể hoá sự lãnh đạo của Đảng về công tác giám sát và phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Hội LHPN Việt Nam; phát huy quyền làm chủ của phụ nữ, nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

2. Từng cấp Hội chủ động thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu về giám sát, phản biện xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ

XIII; Nâng cao năng lực, bản lĩnh của cán bộ Hội trong công tác giám sát, phản biện xã hội.

3. Trong quá trình giám sát và phản biện xã hội phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, bảo đảm dân chủ, khách quan và mang tính xây dựng; tôn trọng các ý kiến khác nhau nhưng không trái với quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, phụ nữ.

4. Công khai, minh bạch kết quả giám sát, phản biện xã hội theo quy định.

## **II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT**

### **1. Chủ thể, nội dung và phạm vi giám sát**

#### **1.1. Chủ thể giám sát**

- Tổ chức Hội LHPN Việt Nam từ cấp trung ương đến cơ sở.
- Cán bộ, hội viên, phụ nữ.

#### **1.2. Đối tượng giám sát**

- Các cơ quan, tổ chức từ trung ương đến cơ sở (cấp ủy, tổ chức đảng; cơ quan nhà nước).

- Cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt (sau đây gọi chung là cá nhân).

#### **1.3. Cách thức xác định nội dung giám sát**

Quý IV hàng năm, các cấp Hội LHPN Việt Nam chủ động đề xuất nội dung giám sát (bao gồm nội dung chủ trì giám sát, nội dung phối hợp giám sát với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội khác), các hình thức giám sát trong quá trình Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì hiệp thương thống nhất với các tổ chức chính trị - xã hội về nội dung và hình thức giám sát trong năm tiếp theo. Các cấp Hội chú trọng giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật thống nhất trong cả hệ thống Hội theo định hướng chung của Đoàn Chủ tịch TW Hội; bên cạnh đó từng cấp Hội linh hoạt lựa chọn nội dung chủ trì giám sát theo tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị.

#### **1.4 Nội dung giám sát**

- Căn cứ xác định nội dung giám sát: Quy định pháp luật, chính sách hiện hành; các vấn đề từ thực tiễn liên quan đến phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới, quyền và trách nhiệm của tổ chức Hội LHPN Việt Nam; hoạt động của các cơ quan dân cử...

- Nội dung giám sát:

+ Việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, hội viên, phụ nữ, quyền và trách nhiệm của tổ chức Hội (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia).

+ Các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống được xác định trong Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

+ Việc thực hiện các chuẩn mực đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử.

## **2. Hình thức giám sát**

- Tổ chức đoàn giám sát do Hội LHPN các cấp chủ trì.

- Thông qua nghiên cứu, xem xét văn bản, tài liệu, báo cáo của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên phụ nữ.

- Thông qua tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, thông tin báo cáo, phản ánh của các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên, phụ nữ, phản ánh của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng.

- Thông qua tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, thông tin báo cáo, phản ánh của các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên, phụ nữ, phản ánh của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng.

- Thông qua việc quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

- Thông qua việc thực hiện các quy định pháp luật về dân chủ ở cơ sở, tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Thực hiện giám sát theo đề nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Tham gia các hoạt động giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (Quốc hội, Hội đồng nhân dân; bộ, ngành...).

## **3. Quy trình giám sát**

### **3.1. Quy trình giám sát chung**

#### **3.1.1. Xây dựng kế hoạch giám sát**

- Kế hoạch giám sát của Hội LHPN Việt Nam ở mỗi cấp Hội gồm kế hoạch giám sát hàng năm và kế hoạch giám sát chuyên đề, giám sát vụ, việc cụ thể (nếu có).

- Kế hoạch giám sát hàng năm ở mỗi cấp Hội do Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ Hội LHPN chủ trì xây dựng và ban hành, gồm các nội dung: Mục đích, yêu cầu giám sát; đối tượng được giám sát, nội dung, hình thức giám sát; chủ thể tiến hành giám sát; thành phần tham gia đoàn giám sát; thời gian, địa điểm giám sát; phân công trách nhiệm thành viên tham gia giám sát.

- Kế hoạch giám sát chuyên đề; kế hoạch giám sát vụ, việc cụ thể trong trường hợp cần thiết.

### 3.1.2. Tổ chức giám sát

- Căn cứ vào kế hoạch giám sát hàng năm và kế hoạch giám sát chuyên đề, giám sát vụ, việc cụ thể (nếu có) đã được ban hành, các cấp Hội LHPN tổ chức giám sát.

- Trong quá trình giám sát cần sử dụng các hình thức giám sát theo kế hoạch.

### 3.1.3. Ban hành văn bản kiến nghị sau giám sát; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết

- Hội LHPN chủ trì giám sát ban hành văn bản kiến nghị sau giám sát gửi đến cơ quan, tổ chức được giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan sau khi kết thúc giám sát chậm nhất là sau 15 ngày.

- Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát.

- Tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị khi đối tượng được giám sát yêu cầu.

- Trường hợp cơ quan được giám sát không xem xét, giải quyết và trả lời những nội dung kiến nghị sau giám sát, thì Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát cần trao đổi, đôn đốc để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện; nếu các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn không thực hiện thì tùy trường hợp cụ thể, Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát có thể lựa chọn các cách giải quyết sau:

(1) Gửi văn bản đến cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để kiến nghị chỉ đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát phải xem xét, giải quyết và trả lời kiến nghị giám sát; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật đối với những kiến nghị này.

(2) Báo cáo với cấp ủy Đảng, chính quyền để chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện trách nhiệm giải quyết kiến nghị sau giám sát.

## 3.2. Quy trình giám sát đối với các hình thức giám sát

### 3.2.1. Tổ chức đoàn giám sát do các cấp Hội LHPN chủ trì

#### Bước 1: Xây dựng Kế hoạch giám sát

- Thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch giám sát theo đoàn, kế hoạch giám sát gồm các nội dung: Mục đích, yêu cầu giám sát; đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát; phương pháp, hình thức giám sát; thành phần tham gia giám sát; thời gian, địa điểm giám sát; phân công trách nhiệm thành viên tham gia giám sát; trách nhiệm của đối tượng giám sát: báo cáo theo đề cương mà Hội LHPN yêu cầu; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; trao đổi những vấn đề liên quan theo đề nghị của Hội LHPN; chế độ báo cáo của đoàn

giám sát; kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết khác phục vụ hoạt động của đoàn giám sát.

Kế hoạch tổ chức đoàn giám sát được gửi đến đối tượng được giám sát, thành viên của đoàn giám sát chậm nhất 15 ngày, trước ngày đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Căn cứ đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát để quyết định việc mời đại diện cơ quan, tổ chức liên quan tham gia đoàn giám sát.

***Bước 2: Ban hành và thông báo quyết định thành lập đoàn giám sát***

- Ban hành quyết định thành lập đoàn giám sát, nội dung quyết định thành lập đoàn giám sát gồm: Căn cứ pháp lý để giám sát; đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát; thời gian, địa điểm tiến hành giám sát; thành phần đoàn giám sát.

- Quyết định thành lập đoàn giám sát gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát chậm nhất 15 ngày, trước ngày đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

- Trưởng đoàn giám sát thông báo kế hoạch; tổ chức việc thu thập thông tin có liên quan đến nội dung giám sát; gửi báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát và các tài liệu có liên quan đến thành viên đoàn giám sát (trước 07 ngày đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát) để nghiên cứu và tổ chức việc nghiên cứu (nếu cần thiết), chuẩn bị ý kiến và thống nhất nội dung làm việc cụ thể của đoàn.

***Bước 3: Đoàn giám sát làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát***

- Trưởng đoàn giám sát thông báo kế hoạch, quyết định thành lập đoàn giám sát; nêu mục đích, yêu cầu, nội dung, phương thức và chương trình làm việc của đoàn giám sát.

- Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo về những nội dung theo yêu cầu của đoàn giám sát.

- Các thành viên đoàn giám sát phát biểu ý kiến và có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát giải trình, cung cấp thêm thông tin, tài liệu có liên quan để làm rõ nội dung giám sát.

- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bổ sung, giải trình làm rõ ý kiến của các thành viên đoàn giám sát, nêu kiến nghị với đoàn giám sát (nếu có).

- Trưởng đoàn giám sát kết luận cuộc làm việc.

Đoàn giám sát cử 01 thư ký giúp việc cho đoàn giám sát, ghi chép đầy đủ, chính xác tất cả nội dung làm việc của đoàn, tập trung phần trao đổi, thảo luận, phát biểu của đại diện đơn vị được giám sát, kết luận của trưởng đoàn để làm cơ sở xây dựng báo cáo kết quả giám sát.

Khi cần thiết, đoàn giám sát tiến hành khảo sát thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 4: Báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị sau giám sát**

- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc làm việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị được giám sát, Trưởng đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát gửi Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát.

- Trong trường hợp cần thiết, Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát có thể tổ chức cuộc họp để xem xét báo cáo của Đoàn giám sát, và các kiến nghị đề xuất.

- Yêu cầu, nội dung đối với Báo cáo kết quả giám sát: Bám sát nội dung, kế hoạch và mục tiêu giám sát; giới thiệu chung về thời gian, nội dung, phương pháp, thành phần giám sát; nêu rõ những nhận xét, đánh giá về từng nội dung đã tiến hành giám sát; những vi phạm, trách nhiệm đối với những vi phạm (nếu có); các quy định pháp luật làm căn cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật, tính chất, mức độ vi phạm; kiến nghị các biện pháp xử lý vi phạm; những thành tích nổi bật, tính điển hình trong hoạt động của cơ quan, tổ chức (nếu có); những hạn chế của cơ chế, chính sách, pháp luật cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế (nếu có); kiến nghị với đối tượng giám sát và các cơ quan có liên quan.

- Căn cứ báo cáo kết quả giám sát, Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát kết luận về nội dung giám sát và có văn bản kiến nghị gửi cơ quan, tổ chức được giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Đồng thời, Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát gửi Hội LHPN cấp trên trực tiếp.

- Tổ chức đối thoại với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giám sát, để làm rõ nội dung kiến nghị khi có yêu cầu.

**Bước 5: Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát**

- Theo dõi việc trả lời và tổ chức thực hiện kiến nghị giám sát của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giám sát. Nếu đối tượng được giám sát chưa trả lời, cần trao đổi, đôn đốc để đối tượng thực hiện theo quy định.

- Nếu đối tượng được giám sát vẫn không thực hiện các kiến nghị giám sát thì tùy trường hợp cụ thể, Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát có thể lựa chọn các cách giải quyết theo mục 3.1.3 phần quy trình giám sát chung.

*3.2.2. Chủ trì nghiên cứu, xem xét văn bản, tài liệu, báo cáo của các cơ quan, tổ chức liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên phụ nữ.*

- Các loại văn bản được giám sát: các loại văn bản liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, phụ nữ: Văn bản quy phạm pháp luật; quyết định hành chính; bản án, quyết định, kết luận, cáo trạng trong hoạt

động tố tụng; các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình kinh tế - xã hội, dự án, đề án của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng kế hoạch giám sát.

- Quy trình giám sát:

***Bước 1: Nghiên cứu, xem xét văn bản được giám sát***

- Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát phân công 01 đồng chí lãnh đạo phụ trách trực tiếp chỉ đạo việc nghiên cứu, xem xét văn bản và giao ban chuyên môn tham mưu thực hiện.

- Trường hợp cần thiết có thể tổ chức hội nghị hoặc gửi văn bản lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia. Việc tổ chức hội nghị nghiên cứu, xem xét văn bản được thực hiện theo trình tự sau đây:

+ Đại diện lãnh đạo Hội LHPN trình bày ý kiến nghiên cứu về văn bản.

+ Đại diện cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát trình bày ý kiến.

+ Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự hội nghị phát biểu ý kiến.

+ Đại diện lãnh đạo Hội LHPN chủ trì hội nghị kết luận cuộc họp.

Trong quá trình nghiên cứu, xem xét văn bản, Hội LHPN có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung văn bản được giám sát.

***Bước 2: Xây dựng và gửi văn bản kiến nghị***

- Khi phát hiện văn bản được giám sát chưa phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn đời sống, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, Hội LHPN gửi văn bản kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát gửi văn bản kiến nghị sau giám sát đến cơ quan có thẩm quyền và yêu cầu thời hạn trả lời kiến nghị (sau 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị)

***Bước 3: Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát***

- Trên cơ sở kiến nghị của Hội LHPN, cơ quan ban hành văn bản được giám sát phải xem xét, nghiên cứu, tiếp thu và phản hồi các kiến nghị.

- Hết thời hạn mà cơ quan ban hành văn bản được giám sát chưa trả lời, thì Hội LHPN gửi văn bản đôn đốc trả lời.

- Trường hợp cơ quan ban hành văn bản được giám sát không trả lời hoặc không đồng ý với nội dung văn bản kiến nghị thì Hội LHPN gửi văn bản kiến nghị lên cấp trên trực tiếp của cơ quan ban hành văn bản được giám sát đề nghị chỉ đạo việc xem xét giải quyết.

- Trường hợp ý kiến giữa cơ quan chủ trì giám sát và cơ quan ban hành văn bản được giám sát không thống nhất, thì có thể tổ chức đối thoại để làm rõ.

3.2.3. *Giám sát thông qua tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng*

- *Giám sát thông qua tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân*

Theo quy định của Luật Thanh tra số 56/2010/QH12, đại diện Hội LHPN tham gia Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, thực hiện theo hướng dẫn và phân công của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

- *Giám sát thông qua tham gia hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng*

Theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư đại diện Hội LHPN cấp xã tham gia hoạt động giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có), thực hiện theo hướng dẫn và phân công của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

*3.2.3. Tham gia các hoạt động giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.*

- Khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền mời tham gia giám sát, Hội LHPN cử đại diện tham gia đoàn giám sát.

- Trong quá trình tham gia giám sát, đại diện Hội LHPN có trách nhiệm tham gia xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, nội dung giám sát; nghiên cứu báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, nêu ý kiến về nội dung giám sát và tham gia xây dựng, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát.

- Nếu phát hiện vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì đại diện Hội LHPN có trách nhiệm đề nghị đoàn giám sát kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có biện pháp xử lý kịp thời.

- Trường hợp phát hiện có vấn đề vi phạm hoặc chưa phù hợp với chính sách, pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, hội viên phụ nữ mà cơ quan chủ trì giám sát không kiến nghị thì đại diện Hội LHPN được cử tham gia đoàn giám sát có trách nhiệm báo cáo với lãnh đạo cơ quan, tổ chức mình để xem xét, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

*3.2.4. Giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ*

Thực hiện theo Hướng dẫn số 07/HD-ĐCT ngày 19/9/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam

### **III. HOẠT ĐỘNG PHẢN BIỆN XÃ HỘI**

#### **1. Đối tượng, nội dung, phạm vi phản biện xã hội**

##### **1.1 Đối tượng**

Hội LHPN các cấp chủ trì phản biện xã hội dự thảo văn bản của cơ quan nhà nước, cấp ủy **cùng cấp** có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, hội viên, phụ nữ, quyền và trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam.

##### **1.2 Cách thức xác định nội dung phản biện xã hội**



- Quý IV hàng năm, các cấp Hội chủ động đề xuất nội dung phản biện xã hội (bao gồm nội dung chủ trì, nội dung phối hợp với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội khác), các hình thức phản biện xã hội trong quá trình Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì hiệp thương thống nhất với các tổ chức chính trị - xã hội về nội dung và hình thức phản biện trong năm tiếp theo.

- Căn cứ xác định nội dung phản biện xã hội:

+ Chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm; dự thảo quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án (sau đây gọi chung là dự thảo văn bản) của cơ quan nhà nước, tổ chức đảng **cùng cấp** có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, phụ nữ quyền và trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam

+ Đề nghị của cơ quan nhà nước, tổ chức đảng cùng cấp có dự thảo văn bản.

### **1.3 Phạm vi phản biện xã hội**

+ Sự cần thiết; sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

+ Tính đúng đắn, khoa học, khả thi;

+ Đánh giá tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của dự thảo văn bản;

+ Đánh giá việc bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Nhân dân, tổ chức.

+ Đánh giá việc bảo đảm vấn đề bình đẳng giới, quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em, quyền và trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam

### **2. Hình thức phản biện xã hội**

- Tổ chức hội nghị Ban chấp hành: Hội LHPN cấp nào phản biện xã hội thì tổ chức hội nghị ban chấp hành cấp đó. Khi tổ chức hội nghị phản biện xã hội cần mời đại diện của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo nội dung phản biện, MTTQ cùng cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Tổ chức lấy ý kiến phản biện của hội viên phụ nữ thông qua sinh hoạt chi/tổ Hội; lấy ý kiến của một số cấp hội; lấy ý kiến qua các phương tiện truyền thông đa phương tiện của Hội, tổ chức các nghiên cứu, khảo sát thực tế; gửi văn bản dự thảo đến các cơ quan/tổ chức/cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện.

- Khi cần thiết, Hội LHPN các cấp có thể tổ chức đối thoại trực tiếp với cơ quan, tổ chức có văn bản dự thảo.

### **3. Quyền và trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam khi thực hiện chủ trì phản biện xã hội**

- Xây dựng kế hoạch phản biện xã hội (gồm: *Kế hoạch giám sát và phản biện xã hội hàng năm; Kế hoạch phản biện xã hội cho từng dự thảo cụ thể*).

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo gửi dự thảo văn bản và thông tin, tài liệu cần thiết.

- Thực hiện các hình thức phản biện xã hội theo quy định

- Xây dựng và gửi văn bản phản biện đến cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện và các cơ quan có liên quan.

- Yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo trả lời bằng văn bản đối với kiến nghị của Hội LHPN Việt Nam.

#### **4. Quy trình chung tổ chức phản biện xã hội**

**Bước 1:** Xây dựng kế hoạch phản biện xã hội phù hợp với kế hoạch, yêu cầu phản biện của cơ quan, tổ chức cần phản biện.

Nội dung kế hoạch: Xác định mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, thời gian, chủ thể tiến hành và đối tượng được phản biện xã hội trong năm do cấp Hội chủ trì.

Khi cần thiết, nội dung kế hoạch có thể điều chỉnh hoặc bổ sung theo sự thống nhất của các bên tùy theo điều kiện thực tế và thời gian tổ chức thực hiện.

**Bước 2:** Thu thập những thông tin phù hợp với đối tượng và nội dung phản biện xã hội. Sau đó, sắp xếp, tổng hợp thông tin theo các nội dung phản biện xã hội.

Các phương pháp thường sử dụng để thu thập thông tin là: nghiên cứu văn bản, tài liệu, tổ chức tọa đàm, hội thảo, hội nghị đóng góp ý kiến, băng hỏi, gửi văn bản lấy ý kiến, khảo sát thực tế...

Đối với những vấn đề chuyên sâu, Hội có thể tham khảo ý kiến các nhà khoa học, chuyên gia, các cơ quan, tổ chức nghiên cứu...

**Bước 3:** Viết văn bản phản biện xã hội trên cơ sở thông tin đã sắp xếp, phân loại theo các nội dung phản biện xã hội. Văn bản phải có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu, gửi đến cơ quan, tổ chức chủ trì văn bản phản biện và các cơ quan, tổ chức có liên quan

**Lưu ý:** nếu cơ quan, tổ chức có văn bản dự thảo yêu cầu, Hội LHPN các cấp cần bảo đảm bí mật nội dung thông tin phản biện xã hội.

#### **Bước 4:**

- Theo dõi việc tiếp thu ý kiến phản biện xã hội của cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện xã hội.

- Nếu cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện xã hội không tiếp thu ý kiến phản biện xã hội, Hội LHPN được yêu cầu phản biện xã hội có thể yêu cầu tổ chức đối thoại.

### **5. Quy trình đối với từng hình thức phản biện xã hội**

#### **5.1. Tổ chức hội nghị phản biện**

**Bước 1:** Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội chuẩn bị tổ chức hội nghị

- Trao đổi với cơ quan chủ trì soạn thảo về tài liệu, thời gian, địa điểm, nội dung và cách thức tiến hành tổ chức hội nghị phản biện; yêu cầu cung cấp tài liệu và cử đại diện có thẩm quyền tham dự hội nghị.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị.

- Phân công đơn vị, cá nhân tham mưu bước đầu nghiên cứu định hướng, đề xuất nội dung phản biện xã hội; tổng hợp ý kiến, kiến nghị, phản ánh của người dân, phụ nữ liên quan đến nội dung phản biện xã hội.

- Tùy từng nội dung, lĩnh vực có thể đặt từ 5 đến 10 bài viết của cán bộ Hội, chuyên gia tham gia phản biện xã hội chuyên sâu đối với nội dung cần được phản biện xã hội.

- Trong trường hợp cần thiết, Hội có thể tổ chức khảo sát thực tế, trao đổi chuyên gia, nhất là với các thành viên các hội đồng tư vấn có liên quan về những nội dung cần phản biện; phân công cá nhân chịu trách nhiệm về nội dung cần phản biện.

- Chậm nhất 05 ngày trước ngày tổ chức hội nghị phản biện xã hội gửi tài liệu đến đại biểu tham dự.

- Tùy theo tính chất, quy mô và phạm vi phản biện xã hội, Hội LHPN cấp chủ trì phản biện quyết định về thành phần tham dự hội nghị phản biện xã hội: đại diện lãnh đạo Hội LHPN chủ trì hội nghị; lãnh đạo Ủy ban MTTQ cùng cấp; đại diện lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan, tổ chức khác liên quan; các chuyên gia, nhà khoa học, người có uy tín, kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực hoạt động có liên quan đến nội dung dự thảo văn bản được phản biện xã hội; đại diện cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện xã hội.

### ***Bước 2: Tổ chức hội nghị phản biện xã hội***

Hội nghị được tiến hành theo trình tự, thủ tục sau:

- Đại diện lãnh đạo Hội LHPN cấp tổ chức hội nghị chủ trì hội nghị.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội giới thiệu những nội dung cơ bản của dự thảo.

- Đại diện lãnh đạo Hội LHPN cấp chủ trì phản biện trình bày định hướng và những nội dung trọng tâm cần tập trung phản biện.

- Các đại biểu tham dự hội nghị tiến hành thảo luận về các nội dung phản biện xã hội.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội trao đổi, giải trình làm rõ những vấn đề có liên quan đến nội dung được phản biện xã hội.

- Chủ trì hội nghị kết luận hội nghị.

***Bước 3: Xây dựng văn bản phản biện xã hội***

- Ngay sau hội nghị phản biện xã hội, trên cơ sở các ý kiến phản biện và kết luận tại hội nghị, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo đơn vị chuyên môn, cá nhân có trách nhiệm xây dựng văn bản phản biện xã hội.

- Tùy theo nội dung phản biện mà văn bản phản biện xã hội có thể gồm các nội dung được quy định tại mục II.1.3 của văn bản này.

- Chậm nhất 7 ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị phản biện, Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội gửi văn bản phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Ngoài nội dung phản biện, văn bản phản biện cần ấn định thời hạn đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản trả lời bằng văn bản. Thời gian tối thiểu là 7 ngày; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài hơn nhưng phải có sự trao đổi, thống nhất với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản nhưng không vượt quá 30 ngày.

***Bước 4: Theo dõi, đôn đốc, phản hồi văn bản phản biện xã hội***

- Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội có trách nhiệm theo dõi việc tiếp thu, giải trình đối với những ý kiến phản biện xã hội.

- Hết thời hạn được ấn định trong văn bản phản biện, Hội LHPN cấp chủ trì phản biện có văn bản đôn đốc cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức chủ trì dự thảo văn bản không trả lời hoặc không tiếp thu ý kiến phản biện xã hội thì Hội có văn bản yêu cầu trả lời, đề nghị giải trình và có văn bản báo cáo ý kiến phản biện xã hội với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản.

***5.2. Gửi dự thảo văn bản được phản biện xã hội đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện xã hội***

Hình thức gửi dự thảo văn bản được phản biện xã hội đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện xã hội là việc Hội LHPN chủ trì phản biện xã hội gửi dự thảo văn bản tới các chuyên gia, nhà khoa học, cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến phản biện và tập hợp, tổng hợp gửi cơ quan, tổ chức chủ trì dự thảo văn bản.

***Bước 1: Công tác chuẩn bị***

- Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xây dựng kế hoạch, dự kiến danh sách, cá nhân, tổ chức tham gia phản biện xã hội.

- Tùy thuộc vào nội dung văn bản Hội LHPN cấp chủ trì gửi dự thảo văn bản cần phản biện đến cơ quan, tổ chức, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn, hoặc đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản để lấy ý kiến cho phù hợp.

**Lưu ý:** Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi xin ý kiến phản biện là những cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm liên quan trực tiếp đến nội dung cần phản biện; cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn... là người am hiểu nội dung, lĩnh vực cần phản biện xã hội.

**Bước 2: Tổ chức nghiên cứu văn bản**

- Hội LHPN cấp tổ chức phản biện xã hội nghiên cứu xây dựng định hướng nội dung cần phản biện xã hội.

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản cần phản biện xã hội, Hội LHPN cấp chủ trì phản biện gửi dự thảo văn bản cần phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức cá nhân được lựa chọn tham gia phản biện xã hội.

Văn bản xin ý kiến phản biện phải nêu rõ định hướng nội dung cần phản biện và thời hạn gửi văn bản phản biện.

**Bước 3: Xây dựng văn bản phản biện xã hội**

- Ngay sau khi nhận được ý kiến tham gia phản biện xã hội của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội tiến hành tập hợp, tổng hợp để xây dựng văn bản phản biện xã hội. Trường hợp cần thiết có thể gửi dự thảo văn bản phản biện để xin ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân đã có ý kiến phản biện.

- Nội dung văn bản phản biện xã hội theo mục II.1.3 của Hướng dẫn này.

**Bước 4: Theo dõi, đôn đốc, phản hồi văn bản phản biện xã hội**

(Thực hiện như tại Bước 4 của tổ chức hội nghị phản biện xã hội)

**5.3. Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa cơ quan chủ trì phản biện với cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện**

Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Hội LHPN cấp chủ trì phản biện với cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội là việc lãnh đạo Hội LHPN chủ trì tiến hành tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp với đại diện có thẩm quyền của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản về một hoặc một số nội dung cần phản biện xã hội.

Ngoài đại diện cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện xã hội, Hội nghị đối thoại nên mời đại diện cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản được phản biện xã hội tham dự.

Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội có thể chọn hình thức đối thoại trực tiếp trong các trường hợp sau:

- Dự thảo văn bản có phạm vi ảnh hưởng rộng đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới.

- Đã tổ chức Hội nghị phản biện hoặc gửi văn bản phản biện, nhưng giữa Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội và cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện vẫn còn có ý kiến khác nhau về những nội dung quan trọng.

- Do cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản đề nghị tổ chức.

***Bước 1: Chuẩn bị tổ chức hội nghị đối thoại***

- Hội LHPN cấp chủ trì phản biện trao đổi với cơ quan chủ trì soạn thảo về thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành tổ chức hội nghị đối thoại.

- Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị đối thoại.

- Xây dựng định hướng, nội dung phản biện xã hội.

- Đặt chuyên gia, người có kinh nghiệm thực tiễn về nội dung được phản biện xã hội nghiên cứu, chuẩn bị nội dung phản biện.

- Trường hợp cần thiết gửi nội dung phản biện đến cơ quan chủ trì soạn thảo để có sự trao đổi qua lại trong quá trình phản biện; tổ chức khảo sát, điều tra xã hội học về nội dung được phản biện.

- Chậm nhất 05 ngày trước ngày tổ chức hội nghị, gửi giấy mời, tài liệu cho đại biểu tham dự hội nghị phản biện xã hội.

***Bước 2: Trình tự tiến hành hội nghị đối thoại***

- Lãnh đạo Hội LHPN chủ trì tổ chức hội nghị đối thoại chủ trì hội nghị. Chủ trì hội nghị đối thoại nêu rõ sự cần thiết, ý nghĩa mục đích và các nội dung cần tập trung đối thoại.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội trình bày về những nội dung cơ bản (nếu trước đó chưa tổ chức phản biện) hoặc trình bày, giải trình thêm về những nội dung được đưa ra đối thoại.

- Các đại biểu tham dự hội nghị thảo luận về dự thảo văn bản.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện trao đổi làm rõ những vấn đề cần thiết có liên quan, những nội dung tiếp thu, những nội dung không tiếp thu thì giải trình thêm.

- Mời đại diện cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt dự thảo văn bản phát biểu quan điểm, ý kiến về các nội dung đối thoại (nếu có).

- Đại diện lãnh đạo Hội LHPN chủ trì hội nghị kết luận.

***Bước 3: Xây dựng văn bản phản biện xã hội***

- Ngay sau khi tổ chức hội nghị đối thoại, Hội LHPN chủ trì xây dựng văn bản phản biện xã hội. Văn bản phản biện xã hội phải thể hiện được những nội dung đối thoại tại hội nghị và kết luận của chủ trì hội nghị đối thoại.

- Chậm nhất 7 ngày, kể từ ngày kết thúc hội nghị đối thoại, Hội LHPN chủ trì phản biện xã hội gửi văn bản phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo.

- Nội dung văn bản kiến nghị được thực hiện theo mục II.1.3 văn bản này.

***Bước 4: Theo dõi, đôn đốc, phản hồi văn bản phản biện xã hội***

*(Thực hiện như tại Bước 4 của tổ chức hội nghị phản biện)*

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Trung ương Hội LHPN Việt Nam**

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam.

- Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn cho cán bộ tỉnh/thành Hội về công tác giám sát và phản biện xã hội.

- Chỉ đạo và kiểm tra việc triển khai tổ chức thực hiện hoạt động giám sát và phản biện xã hội của các cấp Hội.

- Tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, những mô hình tốt, đánh giá, đề xuất khen thưởng chuyên đề, cộng điểm thưởng thi đua đối với những địa phương có thành tích về công tác giám sát và phản biện xã hội trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam

- Xây dựng mạng lưới, sử dụng đội ngũ chuyên gia phù hợp với nội dung giám sát và phản biện xã hội.

- Chú trọng tuyên truyền về hoạt động và kết quả giám sát, phản biện xã hội của các cấp Hội trên phương tiện thông tin đại chúng.

**2. Hội LHPN các tỉnh, thành và đơn vị trực thuộc**

- Tổ chức quán triệt, cụ thể hoá văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội tại địa phương.

- Xây dựng kế hoạch giám sát và kế hoạch phản biện xã hội phù hợp với kế hoạch, yêu cầu phản biện của cơ quan, tổ chức cần phản biện.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ Hội cấp dưới.

- Tham gia vào hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Hội LHPN cấp trên khi có yêu cầu.

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

- Chú trọng tuyên truyền về hoạt động và kết quả giám sát, phản biện xã hội của các cấp Hội trên phương tiện thông tin đại chúng.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 23/HD-ĐCT ngày 4/5/2018 hướng dẫn công tác giám sát và phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề mới nảy sinh hoặc khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam (qua Ban Chính sách – Luật pháp) để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /Th

**Nơi nhận:**

- Ban Dân vận TW;
- ĐCT UB TW MTTQ Việt Nam
- Thường trực ĐCT;
- Hội LHPN các tỉnh/thành/đơn vị trực thuộc;
- Các Ban/Đơn vị TW Hội LHPN VN;
- Lưu: VT, CSLP.





HỘI LHPN TỈNH BẮC GIANG  
BAN THƯỜNG VỤ

Số: 5 /HD-BTV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2022

## HƯỚNG DẪN

### **Đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện, cơ sở và Chi hội phụ nữ**

Thực hiện Hướng dẫn số 09/HD-ĐCT, ngày 20/9/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện và cấp cơ sở nhiệm kỳ 2022-2027, Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh hướng dẫn việc đánh giá, xếp loại tổ chức Hội LHPN cấp huyện, cơ sở và Chi hội phụ nữ trên địa bàn tỉnh, nội dung cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

1. Đánh giá đúng thực chất hoạt động Hội và phong trào phụ nữ từ chi hội phụ nữ để đề ra giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp; tạo động lực để các cấp Hội đẩy mạnh phong trào thi đua và thực hiện có hiệu quả chất lượng các cuộc vận động của Hội.

2. Việc đánh giá, xếp loại được tiến hành vào cuối năm và cuối nhiệm kỳ gắn với tổng kết phong trào, hoạt động Hội.

3. Đánh giá, xếp loại cần đảm bảo tính chính xác, khách quan, cụ thể theo từng tiêu chí; kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm là căn cứ để bình xét thi đua, khen thưởng.

#### **II. PHẠM VI ÁP DỤNG, NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI**

**1. Phạm vi áp dụng:** Hướng dẫn này áp dụng để đánh giá, xếp loại hàng năm đối với Hội LHPN cấp huyện, Hội LHPN cấp cơ sở và Chi hội phụ nữ.

#### **2. Nguyên tắc đánh giá**

- Căn cứ vào mức độ hoàn thành các chỉ tiêu/nhiệm vụ trọng tâm hàng năm, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; kết quả xếp loại của tổ chức Hội trực thuộc.

- Trường hợp tổ chức Hội không hoàn thành nhiệm vụ/chỉ tiêu giao do yếu tố khách quan, bất khả kháng (thay đổi địa giới hành chính: chia tách, sáp nhập...; thiên tai; địch họa...) thì được xem xét, cân nhắc trong quá trình đánh giá, xếp loại.

- Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, toàn kết, thống nhất; trung thực, khách quan, toàn diện; công bằng, công khai, minh bạch; đúng thẩm quyền và trách nhiệm.

Thực hiện đánh giá theo các tiêu chí cụ thể, gắn đánh giá, xếp loại của Hội với kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

- Tổ chức Hội được xếp loại chất lượng, nhưng sau đó phát hiện có khuyết điểm không bảo đảm tiêu chuẩn của mức xếp loại thì cấp có thẩm quyền quyết định việc đánh giá, xếp loại xem xét hủy bỏ và xếp loại lại.

- Không xếp loại đối với những tổ chức Hội mới thành lập, có thời gian hoạt động dưới 6 tháng.

- Kết quả đánh giá, xếp loại là căn cứ đề ra phương hướng nhiệm vụ, giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm đề củng cố, phát triển tổ chức; là cơ sở để thực hiện các nội dung về công tác tổ chức, cán bộ, đánh giá người đứng đầu và so sánh, đánh giá các tổ chức Hội cùng cấp.

### **III. MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI: Gồm 04 mức**

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ
3. Hoàn thành nhiệm vụ
4. Không hoàn thành nhiệm vụ

### **IV. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI**

#### **1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**

- Là tổ chức Hội đổi mới, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động và đạt được nhiều thành tích nổi bật; khẳng định vị thế, vai trò dẫn đầu, điển hình để các tổ chức Hội khác học tập, noi theo.

- Các tiêu chí đánh giá đều đạt mức tốt trở lên, trong đó những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt mức “xuất sắc” với các kết quả cụ thể lượng hóa được (nếu có).

- 100% tổ chức Hội trực thuộc đạt kết quả xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên (*Nội dung này không quy định đối với chi hội*).

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các nguyên tắc, quy định, quy chế, nội quy, chế độ làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, cơ quan chuyên trách (*đối với Hội LHPN cấp huyện*) và Chi hội theo Điều lệ Hội.

- Tỷ lệ thu hút, tập hợp phụ nữ từ 18 tuổi trở lên tham gia tổ chức Hội đạt trên 60% trở lên.

- Nội bộ đoàn kết:

+ Đối với cấp huyện: Nội bộ cơ quan chuyên trách; Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội LHPN huyện và Hội LHPN cơ sở đoàn kết.

+ Đối với cấp cơ sở: Nội bộ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và chi hội đoàn kết.

+ Đối với chi hội: Nội bộ chi hội đoàn kết.

- Không có một trong các tập thể, cá nhân sau bị kỷ luật:

+ Đối với cấp huyện: Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, cơ quan chuyên trách Hội LHPN cấp huyện; Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội LHPN cơ sở trực thuộc Hội LHPN cấp huyện và cá nhân Ủy viên Ban Thường vụ là cán bộ, công chức cơ quan chuyên trách Hội LHPN cấp huyện.

+ Đối với cấp cơ sở: Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; các chi hội, câu lạc bộ, tổ, nhóm đặc thù trực thuộc hoặc Chủ tịch/Phó Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở.

+ Đối với chi hội: Chi hội trưởng.

## 2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ trọng tâm do Hội LHPN cấp trên giao đạt "tốt" trở lên.

- 100% tổ chức Hội trực thuộc đạt kết quả xếp loại "Hoàn thành nhiệm vụ" trở lên (*Nội dung này không quy định đối với chi hội*).

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các nguyên tắc, quy định, quy chế, nội quy, chế độ làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, cơ quan chuyên trách (*đối với Hội LHPN cấp huyện*) và Chi hội theo Điều lệ Hội.

- Nội bộ đoàn kết:

+ Đối với cấp huyện: Nội bộ cơ quan chuyên trách, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội LHPN cấp huyện đoàn kết.

+ Đối với cấp cơ sở: Nội bộ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đoàn kết.

+ Đối với chi hội: Nội bộ chi hội phụ nữ đoàn kết.

- Chủ tịch, phó chủ tịch Hội không bị kỷ luật; không có một trong các tập thể, cá nhân sau bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên (*trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả*):

+ Đối với cấp huyện: Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, cơ quan chuyên trách Hội LHPN cấp huyện; Hội LHPN các cơ sở trực thuộc Hội LHPN cấp huyện và cá nhân Ủy viên Ban Thường vụ là cán bộ, công chức cơ quan chuyên trách Hội LHPN cấp huyện.

+ Đối với cấp cơ sở: Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội LHPN cấp cơ sở; các chi hội, câu lạc bộ, tổ, nhóm đặc thù trực thuộc Hội LHPN cấp cơ sở.

+ Đối với chi hội: Chi hội trưởng.

## 3. Hoàn thành nhiệm vụ

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua/nhiệm vụ trọng tâm do Hội LHPN cấp trên giao đạt "trung bình" (50%) trở lên.

- Chủ tịch không bị kỷ luật từ mức độ cảnh cáo trở lên; không có một trong các tập thể, cá nhân sau bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên (*trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả*):

+ Đối với cấp huyện: Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, cơ quan chuyên trách Hội LHPN cấp huyện.

+ Đối với cấp cơ sở: Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội LHPN cấp cơ sở.

+ Đối với chi hội: Chi hội trưởng **không** bị kỷ luật từ mức độ cảnh cáo trở lên.

#### **4. Không hoàn thành nhiệm vụ**

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua/nhiệm vụ trọng tâm do Hội LHPN cấp trên giao đạt "kém" (dưới 50%) hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

- Để xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng bị xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (*trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả*).

- Có một trong các tập thể, cá nhân sau bị kỷ luật:

+ Đối với cấp huyện: Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, cơ quan chuyên trách Hội LHPN cấp huyện; Chủ tịch Hội LHPN cấp huyện bị kỷ luật từ mức độ cảnh cáo trở lên; có trên 20% số đơn vị trực thuộc bị kỷ luật trong năm (từ hình thức khiển trách trở lên);

+ Đối với cấp cơ sở: Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ hoặc Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở bị kỷ luật từ mức độ cảnh cáo trở lên; có trên 20% số đơn vị trực thuộc bị kỷ luật trong năm (từ hình thức khiển trách trở lên).

+ Đối với chi hội: Chi hội trưởng bị kỷ luật từ mức độ cảnh cáo trở lên.

- Không đủ điều kiện, tiêu chuẩn để xếp loại hoàn thành nhiệm vụ.

#### **V. THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT**

##### **1. Đối với Hội LHPN cấp huyện**

- Ban Thường vụ Hội LHPN cấp tỉnh thực hiện đánh giá, xếp loại tổ chức Hội LHPN cấp huyện.

- Ban Thường vụ Hội LHPN cấp huyện có trách nhiệm tự đánh giá, xếp loại tổ chức Hội cấp mình và đề xuất lên Hội LHPN cấp tỉnh.

##### **2. Đối với Hội LHPN cấp cơ sở**

- Ban Thường vụ Hội LHPN cấp huyện thực hiện đánh giá, xếp loại tổ chức Hội LHPN cấp cơ sở.

- Ban Thường vụ Hội LHPN cấp cơ sở có trách nhiệm tự đánh giá, xếp loại tổ chức Hội cấp mình và đề xuất lên Hội LHPN cấp huyện.

##### **3. Đối với Chi hội phụ nữ**

- Ban Thường vụ Hội LHPN cấp cơ sở thực hiện đánh giá, xếp loại chi hội.

- Chi hội tự đánh giá, xếp loại và báo cáo, đề xuất lên Hội LHPN cấp cơ sở.

#### **VI. PHƯƠNG PHÁP, CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI**

##### **1. Quy trình đánh giá, xếp loại**

###### **a) Bước 1. Tự đánh giá, xếp loại**

Căn cứ nội dung đánh giá, xếp loại, Hội LHPN cấp huyện, cơ sở và Chi hội phụ nữ tự đánh giá, xếp loại ở một trong bốn mức độ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ và đề xuất mức xếp loại lên Hội LHPN cấp trên trực tiếp.

### ***b) Bước 2. Tổ chức hội nghị đánh giá, xếp loại***

- Đối với Hội LHPN cấp huyện: Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh; Văn phòng, các ban chuyên môn và cán bộ chuyên trách cơ quan Hội LHPN tỉnh tham gia đánh giá và đề xuất mức xếp loại đối với Hội LHPN cấp huyện. Khi cần, có thể lấy ý kiến tham gia đánh giá của Hội LHPN các huyện/thành phố, đơn vị trong tỉnh và Hội LHPN cấp dưới trực tiếp của Hội LHPN huyện/thành phố, đơn vị được đánh giá, xếp loại.

- Đối với Hội LHPN cấp cơ sở: Ban Thường vụ Hội LHPN cấp huyện; cán bộ chuyên trách cơ quan Hội LHPN cấp huyện tham gia đánh giá và đề xuất mức xếp loại đối với Hội LHPN cấp cơ sở. Khi cần, có thể lấy ý kiến tham gia đánh giá của Hội LHPN cấp cơ sở và Chi hội trực thuộc Hội LHPN cơ sở được đánh giá, xếp loại.

- Đối với Chi hội phụ nữ: Ban Thường vụ Hội LHPN cấp cơ sở tham gia đánh giá và đề xuất mức xếp loại đối với chi hội. Khi cần, có thể lấy ý kiến tham gia đánh giá của các chi hội trực thuộc Hội LHPN cấp cơ sở.

### ***c) Bước 3. Quyết định đánh giá, xếp loại***

Ban Thường vụ Hội LHPN cấp trên trực tiếp thẩm định kết quả tự đánh giá, kết quả tham gia đánh giá, các kết quả đánh giá khác và quyết định mức xếp loại chất lượng tổ chức Hội theo thẩm quyền.

### ***d) Bước 4. Thông báo, công khai kết quả đánh giá, xếp loại***

- Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại của tổ chức Hội cấp dưới trực tiếp cho cấp ủy cùng cấp để làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại chung theo thẩm quyền của cấp ủy. Đồng thời thông báo kết quả đánh giá, xếp loại cho tổ chức Hội được đánh giá và cấp ủy cùng cấp.

- Kết quả đánh giá, xếp loại được công khai tại Hội nghị tổng kết phong trào hằng năm.

#### ***\* Lưu ý:***

- Tổ chức Hội là đối tượng đánh giá có quyền trình bày, bảo lưu ý kiến lên Ban Thường vụ cấp có thẩm quyền quyết định việc đánh giá, xếp loại những vấn đề, nội dung chưa đồng tình nhưng phải chấp hành kết luận nhận xét, đánh giá, xếp loại của cấp có thẩm quyền.

- Khi có khiếu nại bằng văn bản về nội dung nhận xét, đánh giá và kết quả xếp loại thì cấp có thẩm quyền quyết định việc đánh giá, xếp loại có trách nhiệm xem xét, kết luận và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại.

## **2. Thời điểm, lộ trình thực hiện**

- Việc đánh giá, xếp loại tổ chức Hội cấp huyện, cơ sở và Chi hội phụ nữ tiến hành vào dịp 20/10 hằng năm.

- Kết quả đánh giá, xếp loại được thực hiện bằng nhiều kênh thông tin, đảm bảo tính khách quan toàn diện và phản ánh cả quá trình tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động và các nhiệm vụ trọng tâm được triển khai trong năm.

### 3. Quản lý hồ sơ

Hồ sơ được thể hiện bằng văn bản, lưu giữ tại cấp có thẩm quyền quyết định việc đánh giá, xếp loại, gồm:

- Báo cáo tự đánh giá, xếp loại của tổ chức Hội là đối tượng đánh giá;
- Biên bản Hội nghị hoặc tổng hợp ý kiến nhận xét, đánh giá của các chủ thể tham gia đánh giá;
- Kết luận đánh giá, kết quả xếp loại của cấp có thẩm quyền;
- Văn bản tham gia góp ý, nhận xét của các tập thể, cá nhân có liên quan (nếu có);
- Hồ sơ giải quyết khiếu nại về kết quả đánh giá, xếp loại (nếu có);
- Các văn bản khác (nếu có).

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Cấp tỉnh

- Xây dựng Hướng dẫn việc đánh giá, xếp loại tổ chức Hội LHPN cấp huyện, cơ sở và Chi hội phụ nữ thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Hằng năm, xây dựng chỉ tiêu thi đua cho 10 huyện/thành Hội, các đơn vị làm căn cứ đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ theo 4 cấp độ: xuất sắc, tốt, trung bình, kém.

- Lập, lưu hồ sơ đánh giá, xếp loại tổ chức Hội LHPN cấp huyện và kết quả xếp loại cấp cơ sở, chi hội tại Hội LHPN tỉnh.

- Phân công Ban Xây dựng tổ chức hội làm đầu mối, phối hợp với Văn phòng, các ban chuyên môn Hội LHPN tham mưu theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Hướng dẫn này; định kỳ hằng năm báo cáo Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam, Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh theo quy định.

### 2. Cấp huyện

- Hằng năm, cụ thể hóa các chỉ tiêu thi đua giao cho Hội LHPN cấp cơ sở cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị; trong đó mức đánh giá chỉ tiêu đạt được theo 4 cấp độ: xuất sắc, tốt, trung bình, kém.

- Chỉ đạo 100% cơ sở Hội có văn bản hướng dẫn chi hội tổ chức các hoạt động/nhiệm vụ trọng tâm trong năm cụ thể, phù hợp.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở cấp dưới đảm bảo đúng nguyên tắc, mục đích, yêu cầu và tiến độ đề ra; tập trung hỗ trợ các tổ chức Hội không hoàn thành nhiệm vụ.

- Lập, lưu hồ sơ đánh giá, xếp loại tổ chức Hội LHPN cấp cơ sở và danh sách xếp loại Chi hội tại Hội LHPN cấp huyện; báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức Hội LHPN cấp cơ sở và chi hội về Hội LHPN tỉnh **trước ngày 25/10 hằng năm** (theo mẫu gửi kèm).

- Riêng Hội Phụ nữ Công an và Hội Phụ nữ cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh ngoài thực hiện theo hướng dẫn này còn thực hiện theo hướng dẫn của Ban Phụ nữ Quân đội và Hội Phụ nữ Bộ Công an.

### 3. Cấp cơ sở

- Hàng năm có văn bản hướng dẫn chi hội tổ chức các hoạt động/nhiệm vụ trọng tâm trong năm cụ thể, phù hợp.

- Lập, lưu hồ sơ đánh giá, xếp loại chi hội và báo cáo kết quả, lập danh sách đánh giá, xếp loại chi hội về Hội LHPN huyện theo quy định.

Trên đây là Hướng dẫn việc đánh giá, xếp loại tổ chức Hội LHPN cấp huyện, cơ sở và Chi hội phụ nữ trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh đề nghị các huyện, thành Hội, đơn vị triển khai thực hiện đạt kết quả tốt. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, các huyện/thành Hội, đơn vị phản ánh về BTV Hội LHPN tỉnh (qua Ban Xây dựng tổ chức hội) để xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

#### *Nơi nhận:*

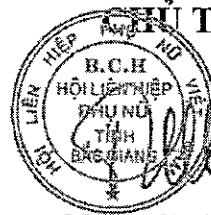
- Lưu VP, XDTCH.

#### *Bản điện tử:*

- ĐCT TW Hội LHPN Việt Nam (báo cáo);
- 10 huyện – thành Hội, 2 đơn vị;
- Các đ/c TT tỉnh Hội;
- Các Ban chuyên môn Hội LHPN tỉnh.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ**

**CHỦ TỊCH**



Ban chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ  
15/10/2022 09:06:56

**Nguyễn Thị Tuyên**







